

Bản án số: 02/2024/HS-ST

Ngày: 20/02/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Hoanh;

Ông Lương Mạnh Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Hà và ông Trần Đức Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2023/TLST-HS, ngày 29/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 09/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/HSST-QĐ, ngày 23/01/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 6 năm 1992; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm N, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1965 (đã chết) và bà Bé Thị H, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ là La Thị T1, sinh năm 1992 và có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2022. Tiền án: Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Vương Văn D**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982; Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở: Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vương Kiểm Đ, sinh năm 1941 và bà Dương Thị T2, sinh năm 1951; Bị cáo có vợ là Trương Thị L, sinh năm 1982 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án: Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Chu Văn X; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 9 năm 1993; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm C, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Sán Diêu; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Văn N, sinh năm 1965 và bà Trần Thị O, sinh năm 1965; Bị cáo có vợ là Sầm Thị H1, sinh năm 1992 và có 03 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án: Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Sầm Thị H1, sinh năm 1992, trú tại: Xóm C, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 03 giờ 00 phút ngày 06/3/2023, tại K+600 đường Q thuộc địa phận thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác thuộc Phòng Q Công an tỉnh B và Phòng C1 Công an tỉnh B tiến hành dừng xe, kiểm tra đối với xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, loại xe Spark, màu sơn vàng, biển kiểm soát 89A – 060.29 do Chu Văn X điều khiển theo hướng Bắc Kạn đi Hà Nội. Qua kiểm tra xác định trên xe chở 02 (hai) người đàn ông Trung Quốc không có hộ chiếu và giấy tờ nhập cảnh, lưu trú tại Việt Nam gồm: C, sinh ngày 09/10/1988, địa chỉ tại số A, đường V, Khu Đ, thành phố B, Trung Quốc và Xiao Fei Y, sinh ngày 29/11/1998, địa chỉ tại Làng T, xã H, huyện T, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 05/3/2023, một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) sử dụng hai số thuê bao 0396.181.231 và 0383.341.416 liên lạc với Nguyễn Văn T để thuê chở khách là 02 (hai) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đi từ huyện T, tỉnh Cao Bằng đến thành phố Hà Nội với số tiền công là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và được T đồng ý. Tuy nhiên, do biết đây là người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nên T nói với người đàn ông là sẽ không trực tiếp đón, chở khách mà sẽ tìm người khác và được người đàn ông đồng ý. Sau đó, T liên lạc với Vương Văn D (là người quen của T), bảo D tìm người đón, chở 02 (hai) người Trung Quốc nêu trên từ huyện T, tỉnh Cao Bằng đến thành phố Hà Nội và thỏa thuận sau khi trả tiền công cho lái xe, phần còn lại T và D sẽ chia nhau nên D đồng ý. Do có mối quan hệ quen biết từ trước với Chu Văn X làm lái xe taxi, nên D đã liên lạc để thuê X đón và chở 02 (hai) người Trung Quốc nêu trên từ huyện T, tỉnh Cao Bằng đến thành phố Hà Nội với số tiền công là 5.000.000đ (năm triệu đồng) và được X đồng ý. Sau khi tìm được người đón và chở 02 (hai) người Trung Quốc nêu trên, Doãn báo lại cho

T, đồng thời Thái gửi các thông tin, địa chỉ liên quan đến 02 (hai) người Trung Quốc nêu trên cho D để hướng dẫn X đón, trả khách. Khoảng 17 giờ ngày 05/3/2023, X điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, loại xe Spark, mang biển kiểm soát 89A-060.29 đi từ nhà tại xóm C, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo đường Quốc lộ 3 đi đến khu vực cầu N thuộc huyện T, tỉnh Cao Bằng theo hướng dẫn của D. Tại đây, X đón 02 (hai) người đàn ông Trung Quốc lên xe ô tô biển kiểm soát 89A-060.29 rồi điều khiển theo đường Q hướng từ tỉnh Cao Bằng đi thành phố Hà Nội. Đến hồi 02 giờ 50 phút ngày 06/3/2023, khi đi đến K+600 đường Q thuộc địa phận thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, X bị tổ công tác thuộc Phòng Q Công an tỉnh và Phòng C1 Công an tỉnh B dừng xe, kiểm tra, phát hiện trên xe ô tô do X điều khiển chở theo 02 (hai) người nam giới mang quốc tịch Trung Quốc không có hộ chiếu và giấy tờ nhập cảnh, lưu trú tại Việt Nam theo quy định.

Tại công văn số 169/PA08 ngày 07/3/2023, của phòng Q, Công an tỉnh B xác định: Chi Cheng và Xiao F là công dân mang quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T, Vương Văn D và Chu Văn X đều thừa nhận: Mặc dù biết 02 (hai) người đàn ông Trung Quốc nêu trên nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nhưng do được thuê và trả tiền công cao nên T, D và X vẫn nhận và chở 02 (hai) người đàn ông Trung Quốc này từ tỉnh Cao Bằng vào sâu trong nội địa Việt Nam.

Tại bản cáo trạng số: 49/CT-VKSBK-P1 ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Nguyễn Văn T, Vương Văn D, Chu Văn X về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1, Điều 348 của Bộ luật Hình sự có nội dung:

“1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức, ... cho người khác ... nhập cảnh... trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng ..., cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Vương Văn D, Chu Văn X phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1, Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Giao bị cáo cho UBND thị trấn X, huyện H, tỉnh

Cao Bằng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Áp dụng khoản 1, Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Vương Văn D từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Giao bị cáo cho UBND thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Áp dụng khoản 1, Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn X từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu ½ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu “CHEVROLET SPARK” màu vàng mang biển kiểm soát 89A-060.29 để sung ngân sách Nhà nước. Còn lại ½ giá trị chiếc xe trả lại cho chị Sầm Thị H2; Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu MI 10T Pro màu đen, IMEI1:867105054090450/00, IMEI 2: 86710504090468/00; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu xanh đen, loại bàn phím và 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG; Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước; Trả lại cho bị cáo Chu Văn X: 01 (một) căn cước công dân số 019093002800 mang tên Chu Văn X; 01 (một) giấy phép lái xe số 190128198746 mang tên Chu Văn X; Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) thẻ nhớ gắn trên camera hành trình, có dung lượng 32GB.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố

tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 05/3/2023, bị cáo Nguyễn Văn T được một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) thuê chở 02 (hai) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam gồm: Chi Cheng, sinh ngày 09/10/1988, địa chỉ tại số A, đường V, Khu Đ, thành phố B, Trung Quốc và Xiao Fei Y, sinh ngày 29/11/1998, địa chỉ tại Làng T, xã H, huyện T, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc đi từ huyện T, tỉnh Cao Bằng đến thành phố Hà Nội với số tiền công là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Sau đó, bị cáo T liên lạc với bị cáo Vương Văn D để bảo tìm người trực tiếp đón, chở 02 (hai) người Trung Quốc và thỏa thuận sau khi trả tiền công cho lái xe số tiền còn lại bị cáo T và bị cáo D sẽ chia nhau nên được bị cáo D đồng ý. Sau đó, bị cáo D đã liên lạc với bị cáo Chu Văn X để thuê trực tiếp đón và chở 02 (hai) người Trung Quốc với số tiền công là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Đến hồi 02 giờ 50 phút ngày 06/3/2023, khi bị cáo X đang điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 89A-060.29 chở 02 (hai) người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đi đến K+600 đường Q thuộc địa phận thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì bị tổ công tác thuộc Công an tỉnh B phát hiện, lập biên bản.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Vương Văn D và bị cáo Chu Văn X đều thừa nhận biết rõ khách là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam không có hộ chiếu và giấy tờ nhập cảnh theo quy định, nhưng vì lợi nhuận nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo thực hiện đã phạm vào tội "*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*" quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Việc Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước về xuất nhập cảnh, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T, Vương Văn D và Chu Văn X đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn T có bố đẻ là ông Nguyễn Tiến B được Nhà nước

tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhì; Có ông nội là ông Nguyễn Văn C được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo Vương Văn D có bố đẻ là ông Vương Kiêm Đ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì và Huân chương kháng chiến hạng ba; Có bà nội là Đàm Thị Đ1 được Nhà nước tặng thưởng Bằng gia đình vẻ vang. Bị cáo Chu Văn X có ông nội là ông Chu Văn T3 (Hoàng Văn T4) được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhì. Do vậy các bị cáo Nguyễn Văn T, Vương Văn D, Chu Văn X đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét toàn diện vụ án thấy rằng, đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Văn T giữ vai trò liên lạc, tìm người và hướng dẫn đón, chở khách; bị cáo Vương Văn D giữ vai trò làm trung gian cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Chu Văn X là người thực hành, trực tiếp đón và chở người nhập cảnh trái phép. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Vương Văn D và bị cáo Chu Văn X.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Vương Văn D và Chu Văn X đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mà cho các bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương thì vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích thu lợi bất chính, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định các bị cáo không thuộc diện gia đình chính sách, không thuộc hộ nghèo, không sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), bị cáo Nguyễn Văn T hưởng lợi từ việc tổ chức cho 02 (hai) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, T đã chi tiêu cá nhân hết. Xác định đây là tiền do thực hiện hành vi phạm tội mà có, cần buộc bị cáo nộp lại số tiền trên vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại SPARK, dung tích xi lanh 995, màu sơn vàng, số máy B10D1315364KD3, số khung RLLMF481EFH927868, mang biển kiểm soát 89A-060.29 của bị cáo Chu Văn X. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, chiếc xe là tài sản chung của vợ

chồng bị cáo, khi bị cáo X sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội, chị Sầm Thị H1 là vợ của bị cáo không biết. Do vậy, cần tịch thu hóa giá đối với 01 (một) xe ô tô mang biển kiểm soát 89A-060.29, tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe, trả lại cho chị Sầm Thị H1 $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số DA 3530766, BKS 89A-060.29, nhãn hiệu Chevrolet; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số 070027036/22 mang tên Công ty CP T5; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 007932 mang tên Công ty CP T5 kèm theo xe để thực hiện thủ tục hóa giá.

- Đối với 01 (một) căn cước công dân số 019093002800 mang tên Chu Văn X; 01 (một) giấy phép lái xe số 190128198746 mang tên Chu Văn X, xét thấy các vật chứng này không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo X.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MI 10T Pro màu đen, IMEI1: 867105054090450/00, IMEI 2: 86710504090468/00 của bị cáo Chu Văn X; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu xanh đen, loại bàn phím của Vương Văn D; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG của Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, các bị cáo sử dụng để liên lạc trao đổi việc đón, chở người nhập cảnh trái phép, do đó cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) thẻ nhớ gắn trên camera hành trình, có dung lượng 32GB, không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

[9] Đối với 02 (hai) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam gồm Chi Cheng và Xiao F, qua điều tra xác định: 02 (hai) người Trung Quốc nêu trên nhập cảnh trái phép vào từ tỉnh Hồ Nam và thành phố B, Trung Quốc vào tỉnh Cao Bằng, Việt Nam, Cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành xác minh, phối hợp để trao trả cho phía Trung Quốc theo quy định.

Đối với người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) sử dụng hai số thuê bao 0396.181.231 và 0383.341.416 để liên lạc thuê Nguyễn Văn T tổ chức cho 02 (hai) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam ngày 05/3/2023. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác minh được nhân thân, lai lịch cụ thể nên không có căn cứ để xem xét, xử lý trong vụ án này.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Vương Văn D, Chu Văn X phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 (Mười

tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vương Văn D 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Văn X 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Văn T, Vương Văn D, Chu Văn X, mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

4. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu hóa giá 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, số loại SPARK, dung tích xi lanh 995, màu sơn vàng, số máy B10D1315364KD3, số khung RLLMF481EFH927868, mang biển kiểm soát 89A-060.29; Tịch thu sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe; trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho chị Sầm Thị H1; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số DA 3530766, BKS 89A-060.29, nhãn hiệu Chevrolet; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 070027036/22 mang tên Công ty CP T5; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 007932 mang tên Công ty CP T5 kèm theo xe để thực hiện thủ tục hóa giá.

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn X: 01 (một) căn cước công dân số 019093002800 mang tên Chu Văn X; 01 (một) giấy phép lái xe số 190128198746 mang tên Chu Văn X.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu MI 10T Pro màu đen, IMEI1:867105054090450/00, IMEI 2: 86710504090468/00 của bị cáo Chu Văn X; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu xanh đen, loại bàn phím của Vương Văn D; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG của Nguyễn Văn T.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) thẻ nhớ gắn trên camera hành trình, có dung lượng 32GB.

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh B và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Vương Văn D, Chu Văn X mỗi người phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự CA tỉnh;
- Cơ quan An ninh điều tra CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Hưng